

Bản án số: **20/2022/KDTM-ST**
Ngày 30-9-2022
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Liêm
2. Bà Ngô Thị Ngọc Cúc

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Ký – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Lê Hoàng Nhựt - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 17/2021/TLST-KDTM ngày 10 tháng 5 năm 2021, về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 398/2022/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN (gọi tắt là Công ty Quản lý tài sản C)

Trụ sở: phường T, Quận HK, thành phố HN.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc H - Chủ tịch hội đồng thành viên.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Đoàn Văn T- Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản. Theo quyết định số 127/GUQ-CT ngày 27/6/2014.

Người được ủy quyền lại: Ông Đỗ Tuấn Th - Chức vụ Trưởng phòng Phòng xử lý nợ - Khối pháp chế, Giám sát và Xử lý nợ - Ngân hàng TMCP P(Vàng mật); Ông Huỳnh Văn Bảo Th1- Trưởng phòng xử lý nợ - Ngân hàng Thương mại Cổ

phần P theo Giấy ủy quyền số 216/VAMC-UQ ngày 15/12/2014 của Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản (Có mặt).

Địa chỉ liên hệ: phường 3, Quận PN, Thành phố HCM.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Lệ H, sinh năm 1950 - Chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phú C

Trụ sở: Khu vực Thới H, phường T, quận TN, thành phố CT. (Vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: khóm Thới A (nay là khóm Đông Th), phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA (Vắng mặt)

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc B- Giám đốc

Trụ sở: Ấp An Th, xã HB, huyện CM, tỉnh AG

3.2. Ông Nguyễn Hiền Q (Vắng mặt)

3.3. Ông Nguyễn Quốc B, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Phụng Q, xã TT, huyện TN (nay là ấp Phụng Q B, thị trấn TA, huyện VT), thành phố CT.

Nơi ở hiện nay: khóm T H, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

3.4. Bà Nguyễn Ngọc Khải H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Địa chỉ: phường 5, Quận 3, thành phố HCM.

Nơi ở hiện nay: khóm T H, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG.

3.5. Ngân hàng Thương mại Cổ phần P (Vắng mặt)

Trụ sở: phường Trần Hưng Đ, Quận HK, Thành phố HN.

3.6. Ông Nguyễn Thành Tr, sinh năm 1978

Địa chỉ: Tổ 5, ấp HT, xã HBT, huyện CT, tỉnh AG (Có mặt)

3.7. Ông Nguyễn Quốc T(Vắng mặt)

3.8. Bà Lâm Thị Thanh T(Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp An T, xã HB, huyện CM, tỉnh AG

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Phần trình bày của ông Huỳnh Văn Bảo Th1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết với nội dung:*

- Ngày 25/9/2010, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 với Doanh nghiệp tư nhân Phú

C, theo đó Ngân hàng đồng ý cho Doanh nghiệp tư nhân Phú C vay với nội dung: Ngân hàng cho vay vốn theo dự án đầu tư nhà máy lau bóng Doanh nghiệp tư nhân Phú C số tiền 70.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tỷ đồng*);

- + Mục đích cấp tín dụng: Đầu tư nhà máy lau bóng Doanh nghiệp tư nhân Phú C

- + Thời hạn sử dụng hạn mức: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày trả nợ cuối cùng

- + Lãi suất: Lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất tiết kiệm thường VND 12 tháng (trả lãi sau) do Ngân hàng TMCP P thông báo + biên độ tối thiểu 4%/năm. Lãi suất thay đổi 6 tháng/lần.

- Ngày 15/8/2012, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 với Doanh nghiệp tư nhân Phú C, theo đó Ngân hàng đồng ý cho vay với nội dung:

- + Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*); Hạn mức chiết khấu: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*); Tại mọi thời điểm tổng số dư tín dụng + dư nợ không vượt quá 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*).

- + Mục đích cấp tín dụng: bổ sung vốn lưu động để kinh doanh, sản xuất, chế biến gạo và chiết khấu bộ chứng từ xuất nhập khẩu theo hình thức L/C, D/P.

- + Thời hạn sử dụng hạn mức: Không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày nhận nợ.

- + Lãi suất: Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân.

- Ngày 25/9/2010, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 với Doanh nghiệp tư nhân Phú C do đại diện là bà Nguyễn Thị Lệ H. Theo Hợp đồng thế chấp thì Doanh nghiệp tư nhân Phú C đã tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng TMCP P tài sản là: Toàn bộ nhà xưởng, máy móc thiết bị (dây truyền lau bóng gạo, dây truyền băng tải, bồn chứa, cân tự động...), hệ thống điện hình thành trên đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 729550, số vào sổ cấp GCN: CH01648 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 04/6/2010 cho bà Nguyễn Thị Lệ H; địa chỉ thửa đất số 216, tờ bản đồ số 17, diện tích 24.789 m², mục đích sử dụng đất cơ sở sản xuất, kinh doanh, tọa lạc tại ấp An Th, xã HB, huyện CM, tỉnh AG. Hồ sơ thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh theo quy định.

- Ngày 27/9/2010, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 27/9/2010 với ông Nguyễn Hiền Q, bà Nguyễn Thị Lệ H. Theo hợp đồng thế chấp bà Nguyễn Thị Lệ H tự nguyện thế chấp cho Ngân hàng TMCP P tài sản là thửa đất số 216, tờ bản đồ số 17, diện tích 24.789 m², mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh tọa lạc

tại ấp An Th, xã HB, huyện CM, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 729550, số vào sổ cấp GCN: CH01648 do Ủy ban nhân dân huyện CM cấp ngày 04/6/2010 cho bà Nguyễn Thị Lệ H. Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã HB, huyện CM, tỉnh AG, số chứng thực 585, quyền số 01/TP/CC-SCC ngày 27/9/2010.

- Ngày 06/01/2011, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011 với ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Ngọc Khải H, theo hợp đồng ông B, bà Khải H thế chấp tài sản cho Ngân hàng TMCP P tài sản, cụ thể:

+ Thửa đất số 152, tờ bản đồ số 5, diện tích 20.000 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 024375, số vào GCN CH02177 do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh AG cấp ngày 15/6/2010;

+ Thửa đất số 151, tờ bản đồ số 5, diện tích 29.468 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 026462, số vào GCN CH02285 do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh AG cấp ngày 01/11/2010;

+ Thửa đất số 149, tờ bản đồ số 5, diện tích 20.000 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 024484, số vào GCN CH02187 do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh AG cấp ngày 23/6/2010;

+ Thửa đất số 150, tờ bản đồ số 5, diện tích 29.468 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 026461, số vào GCN CH02284 do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh AG cấp ngày 01/11/2010;

+ Thửa đất số 335, tờ bản đồ số 5, diện tích 20.000 m², mục đích sử dụng: Đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BB 024485, số vào GCN CH02188 do Ủy ban nhân dân huyện TT, tỉnh AG cấp ngày 23/6/2010;

Hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm, chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG, số chứng thực 02, quyền số 01/TP/CC-SCC ngày 06/01/2011.

- Ngày 11/11/2011, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 06/01/2011 với bà Nguyễn Thị Lệ H, theo hợp đồng bà H thế chấp cho ngân hàng tài sản là nhà kho lau bóng gạo

hình thành từ giấy phép xây dựng số 96/GPXD cấp lại lần 1 ngày 08/11/2011, chi tiết:

+ Tên công trình: Nhà kho lau bóng gạo. Vị trí xây dựng: Thửa đất số 216, tờ bản đồ số 17, ấp An Th, xã HB, huyện CM, tỉnh AG; Cốt nền xây dựng công trình: + 0.4m so với mặt sân hiện hữu; Chỉ giới xây dựng: Cách mép Sông Hậu là 40m; Diện tích xây dựng: 7.200 m²; Chiều cao công trình: 15.999m, số tầng: 01; Cấp nhà: loại 1

Hợp đồng thế chấp đã được đăng ký giao dịch bảo đảm, công chứng tại Phòng Công chứng số 1 tỉnh An Giang, số công chứng 2985, quyển số 05/TP/CC-SCC ngày 11/11/2011.

- Ngày 11/11/2011, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 với Doanh nghiệp tư nhân Phú C theo hợp đồng thế chấp này Doanh nghiệp tư nhân Phú C đã thế chấp:

+ Đối với tài sản là bất động sản: tài sản thế chấp là quyền sở hữu nhà ở và/hoặc quyền sử dụng đất (theo thực tế và/hoặc thay đổi trong tương lai nếu có) thuộc sở hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp;

+ Tài sản là bất động sản: Quyền sở hữu và quyền sử dụng toàn bộ tài sản thế chấp thuộc quyền quyền chiếm hữu, sử dụng hợp pháp của bên thế chấp. Chi tiết về tài sản thế chấp theo hợp đồng theo đồng và hóa đơn giá trị gia tăng: Hợp đồng số 141/HĐ.LAMICO ngày 26/11/2009; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0085886, mẫu số 01GTKT-3LL ngày 23/6/2010; Hợp đồng số 048/HĐ11.LAMICO ngày 15/3/2011; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000676, mẫu số 01GTKT3/001 ngày 30/6/2011; Hợp đồng số 177/HĐ2010.LAMICO ngày 26/10/2010; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0029062, mẫu số 01GTK-3LL ngày 31/12/2012; Hợp đồng số 185/HD92010.LAMICO ngày 22/10/2010; Hoá đơn giá trị gia tăng số 0156700, mẫu số 01GTKT-3LL ngày 30/12/2010; Hợp đồng số 173/HĐ2010.LAMICO ngày 07/10/2010; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0000673, mẫu số 01GTK3/001 ngày 30/06/2011; Hợp đồng số 140/HĐ.LAMICO ngày 16/8/2010; Hóa đơn giá trị gia tăng số 0160833, mẫu số 01GTK-3LL ngày 06/10/2010;

Hồ sơ thế chấp đã được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố Hồ Chí Minh

- Ngày 13/3/2013, Ngân hàng TMCP P- Chi nhánh CT ký hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 với Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA do ông Nguyễn Quốc B là người đại diện. Theo hợp đồng Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA đã thế chấp cho ngân hàng là Quyền sở hữu hợp pháp đối với thửa đất số 220, tờ bản đồ số 17, diện tích 12.144,1 m², mục đích sử dụng: Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh tọa lạc tại ấp An Th, xã HB, huyện CM, tỉnh AG theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 619658, số vào GCN CT05407 do Ủy ban nhân dân tỉnh AG cấp ngày 05/10/2012. Hợp đồng thế chấp công chứng tại phòng công chứng Long Xuyên, số 330, quyển số 10/TP-CC và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định.

Đến ngày 20/3/2014, Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản VN (viết tắt VAMC) và Ngân hàng TMCP P đã ký kết hợp đồng mua bán nợ số 01/2014/MBN.VAMC2-TBBANK. Theo đó kể từ ngày 20/3/2014 trở đi VAMC sẽ kế thừa toàn bộ trách nhiệm, quyền lợi và nghĩa vụ của Ngân hàng TMCP P đối với khoản vay của khách hàng là bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, ngân hàng cũng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở và tạo điều kiện cho bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C khắc phục khó khăn, thu xếp trả nợ nhưng bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C vẫn không thực hiện.

+ Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Bảo Th1 là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN (VAMC) xác định lại yêu cầu khởi kiện:

1. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H- Chủ DNTN Ph C thanh toán cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP P đại diện nhận tổng số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2022, là 253.247.062.906 đồng (*Hai trăm năm mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm lẻ sáu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*), số tiền nợ lãi là 191.420.152.443 đồng (*Một trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

2. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H- Chủ DNTN Ph C thanh toán phần nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012 ký giữa TPBank với DNTN Ph C kể từ ngày 01/10/2022 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

3. Kể từ ngày bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, nếu DNTN Ph C không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì TPBank có quyền yêu cầu Cơ quan có thẩm quyền xác minh, kê biên và phát mãi tài sản còn lại của DNTN Ph C để thu hồi nợ theo quy định.

4. Rút lại đối với yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã trả 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 027.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/201, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012; Rút lại yêu cầu tính lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng và rút yêu cầu khởi kiện đối với hợp đồng thế chấp Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 27/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-01.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 + Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0270-

02.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-03.01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-04.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-05.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba (Hợp đồng bảo lãnh) số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 ngày 13/3/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án.

- Đối với các khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ ông Th1 xác định nguyên đơn tự nguyện nộp không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét, giải quyết.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có văn bản trình bày ý kiến nhưng có đơn yêu cầu ngày 23/11/2015 và ngày 05/5/2016 thể hiện nội dung:* Trước đây do tình hình doanh nghiệp không còn hoạt động nên bà thường ở nơi cư trú tại địa chỉ khóm Thới H, phường MT, thành phố LX, tỉnh AG nên có đơn đề nghị Tòa án nhân dân Quận Th N chuyển hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân thành phố LX thụ lý, giải quyết. Tuy nhiên, do tình hình sức khỏe nên từ bấy lâu nay bà thường xuyên điều trị và nằm viện ở Thành phố HCM không có mặt ở nơi cư trú. Nay, đề nghị Tòa án nhân dân thành phố LX chuyển hồ sơ khởi kiện của nguyên đơn về Tòa án nhân dân Quận Th N để tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền ở nơi Doanh nghiệp đặt trụ sở chính theo quy định của pháp luật và bà cam kết sẽ làm tờ tự khai, có mặt trong các phiên hòa giải, đối chất và xét xử theo lịch của tòa án.

** Ông Nguyễn Thành Tr có ý kiến trình bày tại phiên tòa thể hiện nội dung:* Ông cùng với bạn ông có nhận thuê đất canh tác 01 vụ tại xã Tân T, huyện TT, tỉnh AG với giá là 180.000.000 đồng (Một trăm tám mươi triệu đồng), tiền thuê đất đã trả cho ông Nguyễn Quốc B là con của bà H. Khoảng năm 2017, khi ông còn đang canh tác tại diện tích đất thuê thì Tòa án huyện TT có vào thực hiện xem xét, thẩm định, ông mới biết đất ông thuê canh tác đang thế chấp tại ngân hàng. Sau một năm thuê thì ông đã trả lại đất không còn thuê, cũng như không có liên quan đến phần diện tích đất đang thế chấp tại ngân hàng mà Tòa án đang giải quyết. Hiện nay, ông không có liên quan trong vụ án nên không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đồng thời, ông cũng có đơn yêu cầu được vắng mặt không tham gia tố tụng tại tòa án.

** Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA, ông Nguyễn Hiền Q, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Ngọc Khải H, ông Nguyễn Quốc T, bà Lâm Thị Thanh T: Vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP P vắng mặt không có ý kiến trình bày.*

*** Tại phiên tòa:**

+ Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay đã trả 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*), tiền lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng (*Mười bảy tỷ bốn trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi một đồng*) và rút lại toàn bộ đối với yêu cầu khởi kiện tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp. Đối với tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh theo các hợp đồng tín dụng giữ yêu cầu buộc bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP P đại diện nhận.

+ Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA, ông Nguyễn Hiền Q, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Ngọc Khải H, ông Nguyễn Quốc T, bà Lâm Thị Thanh T vắng mặt.

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đảm bảo theo quy định của bộ luật tố tụng dân sự và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN:

- Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải thanh toán nợ vay cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP P đại diện nhận số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2022 là 253.247.062.906 (*Hai trăm năm mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm lẻ sáu đồng*), trong đó số tiền nợ gốc là 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*), số tiền nợ lãi là 191.420.152.443 đồng (*Một trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*) và tiền lãi phát sinh đến khi bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C thanh toán hết nợ cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN và lãi phát sinh.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện do nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã trả là 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*) và lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng (*Mười bảy tỷ bốn trăm mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi một đồng*) và rút lại yêu cầu khởi kiện tiếp tục duy trì các hợp đồng thế chấp đối với các hợp đồng thế chấp, cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày

27/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-01.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 + Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0270-02.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-03.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-04.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-05.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba (Hợp đồng bảo lãnh) số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 ngày 13/3/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do ông Nguyễn Quốc H - Chủ tịch hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho ông Đoàn Văn T- Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản theo quyết định ủy quyền quyết định số 127/GUQ-CT ngày 27/6/2014 của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Ông Đoàn Văn Tủy quyền lại cho ông Đỗ Tuấn Th – Chức vụ Trưởng phòng Phòng xử lý nợ -Khối pháp chế, Giám sát và Xử lý nợ và ông Huỳnh Văn Bảo Th1- Chức vụ Đội trưởng- Phòng xử lý nợ -Khối pháp chế, Giám sát và Xử lý nợ của Ngân hàng TMCP P đại diện theo giấy ủy quyền số 216/VAMC-UQ ngày 15/12/2014 của Phó Tổng Giám đốc Công ty Quản lý tài sản, Hội đồng xét xử nhận thấy thủ tục ủy quyền hợp lệ phù hợp theo quy định của pháp luật nên được xem xét chấp nhận.

[1.2] Bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA, ông Nguyễn Hiền Q, ông Nguyễn Quốc B, bà Nguyễn Ngọc Khải H, ông Nguyễn Quốc T, bà Lâm Thị Thanh T mặc dù được tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ lần thứ hai theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vẫn không tham dự phiên tòa nên vụ án được tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3] Tại phiên tòa, ông Huỳnh Văn Bảo Th1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay, bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã trả là 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu một*

trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng) và lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng (Mười bảy tỷ bốn trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi một đồng). Rút lại một phần yêu cầu đối với đối với các hợp đồng thế chấp, cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 27/9/2010; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-01.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 + Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0270-02.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-03.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-04.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-05.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba (Hợp đồng bảo lãnh) số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 ngày 13/3/2013 để đảm bảo cho việc thi hành án,

[1.3.1] Hội đồng xét xử xét thấy việc rút lại một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là sự tự nguyện không trái quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự để đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện, do nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN rút lại yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vốn vay bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã trả là 31.757.147.223 đồng (Ba mươi một tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng) và lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng (Mười bảy tỷ, bốn trăm mười bảy triệu, bốn trăm hai mươi chín nghìn, hai trăm năm mươi một đồng). Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện đối với các hợp đồng thế chấp, cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 27/9/2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-01.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp bà Nguyễn Thị Lệ H; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C + Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0270-02.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Nguyễn Quốc B, Nguyễn Ngọc Khải H; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-03.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Nguyễn Quốc B, Nguyễn Ngọc Khải H; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp bà Nguyễn Thị Lệ H; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-

04.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-05.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba (Hợp đồng bảo lãnh) số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 ngày 13/3/2013 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA để đảm bảo cho việc thi hành án.

[2] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN khởi kiện đối với bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C yêu cầu trả tiền vốn vay và tiền lãi phát sinh theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 027.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/201 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012. Hội đồng xét xử nhận thấy, theo thỏa thuận giữa hai bên tại hợp đồng tín dụng mục đích vay nhằm bổ sung vốn kinh doanh, bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C có giấy phép đăng ký kinh doanh, việc cho vay phát sinh vì mục đích kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận đây là tranh chấp về kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 và hiện nay bà Hằng đang cư ngụ tại phường MT, trên địa bàn thành phố LX theo điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Nhận thấy, ngày 25/9/2010, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 với Doanh nghiệp tư nhân Phú C, thỏa thuận cho bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C vay số tiền theo dự án đầu tư nhà máy lau bóng Doanh nghiệp tư nhân Phú C số tiền 70.000.000.000 đồng (*Bảy mươi tỷ đồng*). Mục đích vay bổ sung vốn kinh doanh. Thời hạn sử dụng hạn mức: 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên cho đến ngày trả nợ cuối cùng, lãi suất áp dụng tại thời điểm giải ngân, bằng lãi suất tiết kiệm thường VND 12 tháng (trả lãi sau) do Ngân hàng TMCP P thông báo + biên độ tối thiểu 4%/năm. Lãi suất thay đổi 6 tháng/lần.

[3.2] Ngày 15/8/2012, Ngân hàng TMCP P-Chi nhánh CT ký hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 với Doanh nghiệp tư nhân Phú C, theo đó Ngân hàng đồng ý cho vay với nội dung: Hạn mức cho vay: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*); Hạn mức chiết khấu: 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*); Tại mọi thời điểm tổng số dư tín dụng + dư nợ không vượt quá 100.000.000.000 đồng (*Một trăm tỷ đồng*). Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động để kinh doanh, sản xuất, chế biến gạo và chiết khấu bộ chứng từ xuất nhập khẩu theo hình thức L/C, D/P. Thời hạn sử dụng hạn mức: Không quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và tối đa không quá 4 tháng kể từ ngày nhận nợ.

Lãi suất áp dụng theo từng lần giải ngân theo quy định của ngân hàng tại thời điểm giải ngân.

[3.3] Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C có trả được một phần vốn vay số tiền là 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ, bảy trăm năm mươi bảy triệu, một trăm bốn mươi bảy nghìn, hai trăm hai mươi ba đồng*), đến nay thì bà Hằng-Chủ DNTN Ph C còn nợ ngân hàng số tiền vốn vay tính đến hết ngày 30/9/2022 là 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ, tám trăm hai mươi sáu triệu, chín trăm mười nghìn, bốn trăm sáu mươi ba đồng*), trong đó:

[3.3.1] Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010, nợ gốc 35.550.766.864 đồng (*Ba mươi lăm tỷ năm trăm năm mươi triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn tám trăm sáu mươi bốn đồng*).

[3.3.2] Hợp đồng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012, nợ gốc 26.276.143.599 đồng (*Hai mươi sáu tỷ, hai trăm bảy mươi sáu triệu, một trăm bốn mươi ba nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng*).

[3.3.3] Tổng cộng tiền nợ gốc là: 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*). Tổng cộng tiền nợ lãi tạm tính đến hết ngày 30/9/2022 là 191.420.152.443 đồng (*Một trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

[3.3.4] Ngân hàng nhiều lần yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh nhưng bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C vẫn không thực hiện xong nghĩa vụ.

[3.4] Căn cứ vào nội dung tại Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012 thì việc ký kết hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận các bên nhưng bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C là người đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngân hàng không đồng ý kéo dài thêm thời gian trả nợ. Do đó, bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP Đại diện được nhận số tiền vốn vay là 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*) theo các hợp đồng tín dụng đã ký là phù hợp theo quy định nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3.5] Đối với tiền lãi: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 và Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012 thì tiền lãi phát sinh từ số tiền vốn vay được thỏa thuận tại Điều 3, Điều 6 của các hợp đồng tín dụng tại các bảng kê tính chi tiết số tiền nợ vay thể hiện số tiền vay chuyển sang nợ quá hạn vào tháng 9/2012 do bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã vi phạm việc trả nợ gốc và lãi tiền vay trên từng giấy nhận nợ (ngày trả lãi sau cùng và xác định là ngày vi phạm hợp đồng) đến ngày xét xử là ngày 30/9/2022 là 191.420.152.443 đồng (*Một*

trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng).

[3.5.1] Ông Thái là người đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN có yêu cầu bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C có chịu trách nhiệm thanh toán tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng, còn phía bị đơn vắng mặt không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3.5.2] Nhận thấy, việc ký kết thỏa thuận tại các điều khoản của Hợp đồng xuất phát từ sự thỏa thuận giữa các bên, phía bị đơn không thực hiện đúng thỏa thuận, vi phạm nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn phát sinh nên yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN được chấp nhận.

[3.6] Vì vậy, bị đơn bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải có nghĩa vụ thanh toán tiền vốn vay và lãi cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP Pđại diện nhận tổng số tiền tạm tính đến hết ngày 30/9/2022, tổng số tiền là 253.247.062.906 đồng (*Hai trăm năm mươi ba tỷ hai trăm bốn mươi bảy triệu không trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm lẻ sáu đồng*), trong đó: tiền vốn gốc là: 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là: 191.420.152.443 đồng (*Một trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*)

[4] Tại phiên tòa, ông Thái là người đại diện cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN xác định rút lại toàn bộ đối với yêu cầu tiếp tục duy trì các tài sản thế chấp tại Ngân hàng TMCP P- Chi nhánh CT nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Do, ông Thái là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ nhưng ông Th1 là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý tự nguyện nộp toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định không yêu cầu phía bị đơn hoàn lại và đề nghị không xem xét, giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

[6] Về án phí sơ thẩm:

[6.1] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN được chấp nhận một phần nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 120.986.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 002319 ngày 15/7/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận Thốt Nốt, thành phố Cần Thơ.

[6.2] Bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải nộp án phí theo quy định tại khoản 1 điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 361.247.063 đồng (*Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn*

không trăm sáu mươi ba đồng) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Long Xuyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

+ Khoản 14 và khoản 16 Điều 4, Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng năm 2010.

+ Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 92, Điều 143, khoản 1 Điều 146, khoản 1 Điều 147, Điều 150, Điều 158, Điều 186, Điều 200, khoản 2 Điều 201, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 218, Điều 227, Điều 228, Điều 232, điểm b khoản 1 Điều 238, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Căn cứ Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

+ Khoản 2 Điều 17 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP ngày 13/6/2012 của Hội đồng Thẩm phán TAND tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án

+ Điều 18, Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN:

1.1. Buộc bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP P đại diện nhận số tiền 253.247.062.906 đồng (*Hai trăm năm mươi ba tỷ, hai trăm bốn mươi bảy triệu, không trăm sáu mươi hai nghìn, chín trăm lẻ sáu đồng*), trong đó: tiền vốn gốc là: 61.826.910.463 đồng (*Sáu mươi một tỷ tám trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn bốn trăm sáu mươi ba đồng*) và tiền lãi tạm tính đến ngày 30/9/2022 là: 191.420.152.443 đồng (*Một trăm chín mươi một tỷ bốn trăm hai mươi triệu một trăm năm mươi hai nghìn bốn trăm bốn mươi ba đồng*).

1.2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2022) bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN đối với số tiền vốn vay bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C đã trả số tiền 31.757.147.223 đồng (*Ba mươi một tỷ bảy trăm năm mươi bảy triệu một trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm hai mươi ba đồng*) theo Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 0270.MVND/HĐTD-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010, Hợp đồng tín dụng hạn mức số 0074.SVND/HĐTD-TPB.CT/12 ngày 15/8/2012;

3. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN đối với tính lãi phạt số tiền 17.417.429.251 đồng (*Mười bảy tỷ bốn trăm mười bảy triệu bốn trăm hai mươi chín nghìn hai trăm năm mươi một đồng*)

4. Đình chỉ xét xử yêu cầu của Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN đối với các hợp đồng thế chấp, cụ thể: Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-01.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 27/9/2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-01.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp bà Nguyễn Thị Lệ H; Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số 0270-02.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 25/9/2010 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C + Phụ lục hợp đồng thế chấp số 0270-02.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-03.MVND/HĐTC-TPB.CT/10 ngày 06/01/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Nguyễn Quốc B, Nguyễn Ngọc Khải H; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-03.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/10 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Nguyễn Quốc B, Nguyễn Ngọc Khải H; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-04.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp bà Nguyễn Thị Lệ H; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-04.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản số 0270-05.MVND/HĐTC-TPB.CT/11 ngày 11/11/2011 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản sửa đổi/bổ sung số 0270-05.01.MVND/PLHĐTC-TPB.CT/11 ngày 16/8/2012 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Doanh nghiệp TN Ph C; Hợp đồng thế chấp tài sản của bên thứ ba (Hợp đồng bảo lãnh) số 0074-02.SVND/HĐTC-TPB.CT/13 ngày 13/3/2013 giữa bên nhận thế chấp Ngân hàng TMCP P-CN CT với bên thế chấp Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu HA để đảm bảo cho việc thi hành án.

5. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết

6. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

6.1. Nguyên đơn Công ty TNHH MTV Quản lý tài sản của các VN do Ngân hàng TMCP P đại diện được nhận lại tiền tạm ứng án phí số tiền 120.986.000 đồng (*Một trăm hai mươi triệu chín trăm tám mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu số 002319 ngày 15/7/2015 tại Chi cục Thi hành án Dân sự quận TN, thành phố CT.

6.2. Bà Nguyễn Thị Lệ H-Chủ DNTN Ph C phải nộp tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền 361.247.063 đồng (*Ba trăm sáu mươi một triệu hai trăm bốn mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi ba đồng*) tại Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố LX.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư ngụ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự “Đề thi hành”;
- VKSND thành phố Long Xuyên;
- Chi cục THADS thành phố Long Xuyên;
- TAND tỉnh An Giang;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Ngọc Thúy